

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B TỈNH LÂM
ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02** /2022/DS-ST

Ngày: 26-01-2022

*V/v: “Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hà Vi**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Đức Minh**
Bà **Lê Thị Sáu**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Ka Hít** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:* Bà **Lâm Thị Hồng**- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 130/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Quách Văn N**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn 3, xã Lộc Tân, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 417/13, đường Hùng Vương, tổ 4, thị trấn Lộc Thắng, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Quách Văn N trình bày: Vào ngày 23/11/2020 ông Quách Văn N có cho bà Nguyễn Thị H địa chỉ số 417/13, đường Hùng Vương, thị trấn Lộc Thắng, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vay số tiền 450.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 2,5%/ tháng, hạn thời hạn trả nợ là sau 15 ngày, ông N đã giao đủ số tiền trên cho bà H. Sau khi nhận đủ tiền bà H đã viết giấy nợ cho

ông N, tuy nhiên quá thời hạn bà H không trả nợ nên ngày 25/01/2021 bà H đã viết giấy nhận nợ lại và đồng ý đến ngày 27/01/2021 trả cho ông N số tiền 200.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ trả trước tết âm lịch năm 2021.

Sau đó ông Quách Văn N có đòi nhiều lần nhưng bà H vẫn không trả. Đến ngày 10/02/2021 bà H không trả nợ nên tiếp tục viết giấy mượn tiền ông Quách Văn N số tiền 450.000.000 đồng, hẹn đến ngày 01/3/2021 sẽ trả nợ số tiền này và vay nợ số tiền 70.000.000 đồng, tiền này là hai bên đặt cọc chung mua đất nhưng bà H không có tiền chung đất nên bên bán hủy hợp đồng đặt cọc, lỗi do bà H nên bà H đã viết giấy nợ vay ông Quách Văn N số tiền 70.000.000 đồng, hẹn thời hạn trả nợ sau 1 tháng sẽ trả đủ cả gốc và lãi suất phát sinh.

Đến ngày 30/6/2021 bà H không trả nợ cho ông Quách Văn N nên tiếp tục viết giấy nhận nợ lại cho ông Quách Văn N số tiền 450.000.000 đồng + số tiền 70.000.000 đồng. Và bà H vay thêm của ông N số tiền 50.000.000 đồng để bà H giải quyết việc vay nợ với chủ nợ khác, bà H nói cho bà vay sau 15 ngày bà H sẽ giải quyết toàn bộ công nợ cho ông N, hai bên cũng thỏa thuận lãi suất là 2.5%/ tháng.

Toàn bộ quá trình vay nợ bà H chưa trả cho ông Quách Văn N bất kì khoản tiền lãi nào, toàn bộ việc vay nợ lãi suất là 2.5%/ tháng.

Mặc dù ông Quách Văn N đã đòi bà H nhiều lần nhưng bà H khất nợ và không có thiện chí trả nợ cho ông N. Nay ông Quách Văn N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H trả cho ông Quách Văn N số tiền nợ vay gốc là 570.000.000 đồng và lãi suất phát sinh cụ thể như sau:

Số tiền 450.000.000 đồng tính từ ngày 23/12/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 1.67%/ tháng.

Số tiền 70.000.000 đồng tính từ ngày 10/02/2021 cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 1.67%/ tháng.

Số tiền 50.000.000 đồng tính từ ngày 30/6/2021 cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 1.67%/ tháng.

Đến ngày 24/01/2021 ông N thay đổi yêu cầu về tính lãi suất, ông N chỉ yêu cầu bà H trả cho ông Quách Văn N số tiền nợ vay gốc là 570.000.000 đồng và lãi suất phát sinh là 0.83%/ tháng cụ thể như sau:

Số tiền 450.000.000 đồng tính từ ngày 23/12/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0.83%/ tháng.

Số tiền 70.000.000 đồng tính từ ngày 10/02/2021 cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0.83%/ tháng.

Số tiền 50.000.000 đồng tính từ ngày 30/6/2021 cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0.83%/ tháng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập làm việc nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không được vì bà Nguyễn Thị H vắng mặt.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Btham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H trả cho ông Quách Văn N số tiền nợ gốc là 570.000.000 đồng và lãi suất phát sinh trong hạn là 0.83%/ cụ thể như sau: Số tiền 450.000.000 đồng tính từ ngày 23/12/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0.83%/ tháng; Số tiền 70.000.000 đồng tính từ ngày 10/02/2021 cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0.83%/ tháng; Số tiền 50.000.000 đồng tính từ ngày 30/6/2021 cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0.83%/ tháng. Về án phí buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền:* Nguyên đơn ông Quách Văn N khởi kiện yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền gốc là 570.000.000 đồng và lãi suất phát sinh nên xác định quan hệ “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Quách Văn N, đối chiếu tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình thể hiện:

Theo giấy vay tiền ngày 25/01/2021 thì ngày 23/12/2020 ông Quách Văn N cho bà H vay số tiền 450.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi mức lãi suất cụ thể, hạn thời hạn trả nợ là ngày 27/01/2021 bà H sẽ trả số tiền 200.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ trả trước tết âm lịch năm 2021.

Theo giấy mượn tiền ngày 10/02/2021 thể hiện bà Nguyễn Thị H tiếp tục viết giấy mượn tiền ông Quách Văn N số tiền 450.000.000 đồng, hạn đến ngày 01/3/2021 sẽ trả nợ số tiền này và vay thêm số tiền 70.000.000 đồng, bà H hạn thời hạn trả nợ sau 1 tháng sẽ trả đủ cả gốc và lãi suất phát sinh.

Theo giấy vay tiền ngày 30/6/2021 thể hiện bà H tiếp tục viết giấy nhận nợ lại cho ông Quách Văn N số tiền 450.000.000 đồng + số tiền 70.000.000 đồng và bà H vay thêm của ông N số tiền 50.000.000 đồng, hạn thời hạn trả nợ sau 15 ngày bà H sẽ trả cả gốc và lãi suất phát sinh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H đã được Tòa án Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập làm việc, thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải điều hợp lệ nhưng đều vắng mặt. Chứng tỏ, ngày 23/12/2020 ông N cho bà H vay số tiền 450.000.000 đồng, do bà H không trả nợ nên đến ngày 25/01/2021, ngày 10/02/2021 và ngày 30/6/2021 bà H viết giấy mượn tiền nhằm gia hạn thời hạn trả nợ đối với số tiền 450.000.000 đồng, cũng trong ngày 10/02/2021 ông N cho bà H vay thêm số tiền 70.000.000 đồng, ngày 30/6/2021 ông N cho bà H vay thêm số tiền 50.000.000 đồng. Toàn bộ giấy mượn tiền do ông N cung cấp đều là chữ kí và chữ viết của bà Nguyễn Thị H. Tuy nhiên cho đến nay bà H chưa trả tiền nợ là đúng sự thật nên khi Tòa án triệu tập đến làm rõ yêu cầu khởi kiện của ông N thì bà H trốn tránh. Do vậy, nay ông N khởi kiện yêu cầu buộc bà H có trách nhiệm trả số tiền gốc là 570.000.000 đồng là có cơ sở. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H vắng mặt, không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh, còn ông N khẳng định ông N cho bà H vay tiền với mức lãi suất 2.5%/ tháng, từ khi vay đến nay bà H chưa trả tiền lãi nên ông N yêu cầu lãi suất phát sinh là từ 1.67%/ tháng đến ngày 24/01/2021 ông N thay đổi yêu cầu tính lãi suất chỉ yêu cầu lãi suất là 0.83%/ tháng kể từ ngày vay tiền. Trong toàn bộ các giấy mượn tiền thì bà H có thể hiện sẽ trả gốc và lãi suất phát sinh cho ông N nhưng hai bên không ghi mức lãi suất cụ thể, ông N trình bày lãi suất hai bên thỏa thuận là 2.5 %/ tháng, bà H vắng mặt nên không có lời trình bày thể hiện mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận, do vậy căn cứ theo quy định của pháp luật Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận mức lãi suất trong hạn là 0.83%/ tháng theo như yêu cầu thay đổi tính lãi suất của ông N cụ thể như sau: Số tiền 450.000.000 đồng tính từ ngày 23/12/2020 cho đến ngày 26/01/2022 là 450.000.000 đồng x 13 tháng 3 ngày x 0.83%/ tháng = 50.697.000 đồng; Số tiền 70.000.000 đồng tính từ ngày 10/02/2021 cho đến ngày 26/01/2022 là 70.000.000 đồng x 11 tháng 16 ngày x 0.83%/ tháng = 6.701.000 đồng; Số tiền 50.000.000 đồng tính từ ngày 30/6/2021 cho đến ngày 26/01/2022 là 50.000.000 đồng x 6 tháng 26 ngày x 0.83%/ tháng = 2.850.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi phát sinh là 60.248.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 630.248.000 đồng là đúng pháp luật.

[4]. Về án phí: Do bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Quách Văn N số tiền 630.248.000 đồng nên cần buộc bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng + (4% x 230.248.000 đồng) = 29.210.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Quách Văn N về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho ông Quách Văn N với số tiền là 630.248.000 đồng (*Sáu trăm ba mươi triệu đồng, hai trăm bốn mươi tám ngàn đồng*); trong đó tiền nợ gốc là 570.000.000 đồng, tiền lãi suất phát sinh là 60.248.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27-01-2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 29.210.000 đồng.

Ông Quách Văn N được nhận lại số tiền 15.123.500 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 004090 ngày 11/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA dân sự H. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Thị Hà Vi

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sáu Phạm Đức Minh

Trần Thị Hà Vi

